



On ck lsd - ôn thi ck

Lịch sử đảng (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I/ Phân tích vai trò của Nghị quyết Trung ương 15 (tháng 1/1959) đối với cách mạng miền Nam.

1. Hoàn cảnh lịch sử Hội nghị Trung ương lần thứ 15:

Sau năm 1954, thế giới có những thay đổi lớn, tác động đến cách mạng miền Nam. Mỹ thể hiện ý đồ bá chủ thế giới với chiến lược toàn cầu phản cách mạng hết sức thâm độc; hệ thống XHCN đã trở thành một lực lượng to lớn làm đối trọng với Mỹ và các thế lực phản động quốc tế. Nước ta, sau Hiệp định Genève (7/1954) tạm thời chia cắt làm hai miền. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng bước vào khôi phục kinh tế - văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) để đảm nhiệm vai trò là hậu phương cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Miền Nam, tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đế quốc Mỹ với âm mưu biến miền Nam VN trở thành thuộc địa kiểm mới, dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn. Dựa vào sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ, Ngô Đình Diệm tuyên bố xóa bỏ Hiệp định Genève, tổ chức cuộc “trung cầu dân ý” (23/10/1955) phế truất Quốc trưởng Bảo Đại để lên làm Tổng thống. Chế độ thực dân kiểu cũ chấm dứt, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Để bảo vệ cho sự tồn tại của bộ máy nhà nước bù nhìn, phản động, Mỹ - Diệm tập trung vào chống phá, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam. Chúng mở các cuộc can quét với chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, mà đỉnh điểm là thực hiện Đạo luật 10/59, đưa thẳng bị can ra xét xử, không cần mở cuộc thẩm cứu (điều 12 luật 10/59). Trong 4 năm (1955-1958), cả miền Nam bị tổn thất nặng nề cả về người và của. Như vậy, cách mạng miền Nam đứng trước tình thế cực kỳ nghiêm trọng, đòi hỏi Đảng phải có một đường lối hoàn chỉnh và toàn diện về cách mạng miền Nam. Đây là đường lối chung cho toàn Đảng, toàn dân ở cả hai miền nhằm thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Những kết quả và kinh nghiệm đấu tranh chống địch khủng bố, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng ở miền Nam, đặc biệt là ở Nam Bộ đã giúp Đảng rút ra những bài học cần thiết nhằm bổ sung, hoàn chỉnh đường lối và phương pháp CM miền Nam.

2. Quá trình phát triển đường lối cách mạng VN ở miền Nam:

Các hội nghị TWĐ từ năm 1954 đến 1956, xác định đế quốc Mỹ là kẻ thù chính, trực tiếp của ND VN. Nhiệm vụ của CM là: “Phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam”. Từ thực tiễn cách mạng miền Nam, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo Đề cương CMVN ở miền Nam. Bản Đề cương đã được đưa ra thảo luận tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp tại Phnom Penh tháng 12-1956. Trong đó, xác định: “Muốn chống Mỹ - Diệm, ngoài con đường CM, ND miền Nam không có con đường nào khác; dựa vào lực lượng ctri của quần chúng làm căn bản; xây dựng Mặt trận để đoàn kết nhân dân chống Mỹ và tay sai...”. Đề cương CM miền Nam là một trong những văn kiện quan trọng góp phần vào sự hình thành đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 (tháng 12-1957), Đảng và Chủ tịch HCM đã xác định ngày càng rõ hơn nhiệm vụ của cách mạng cả nước: “Nước ta đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và CMXHCN. Hai nhiệm vụ cách mạng nói trên đều quan trọng, coi nhẹ một nhiệm vụ nào cũng đều sai lầm”.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15, diễn ra trong 2 đợt:

+ Đợt 1 (1/1959) tại HN, do Chủ tịch HCM chủ trì đã chỉ rõ nhiệm vụ cơ bản của miền Nam là: “Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ Tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ. Cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới”. Phương pháp cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành CQ về tay nhân dân bằng bạo lực của nhân dân: “Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành đấu tranh vũ trang trường kỳ giữa ta và địch và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế”.

+ Đợt 2 (7-1959), Hội nghị xác định: “Cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam còn lâu dài, gian khổ, khó khăn và phức tạp, Đảng bộ miền Nam tin tưởng dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch HCM, cách mạng miền Nam nhất định sẽ thắng lợi, hòa bình độc lập, dân chủ, thống nhất trong toàn quốc sẽ được thực hiện”.

Trên cơ sở thống nhất ý kiến của hai đợt họp, tháng 7-1959 Hội nghị Trung ương 15 chính thức thông qua Nghị quyết. Trong đó xác định cách mạng VN do Đảng lãnh đạo có hai nhiệm vụ chiến lược song song tiến hành là cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ tuy tính chất khác nhau nhưng có quan hệ hữu cơ, cùng tác động, ảnh hưởng và hỗ trợ lẫn nhau chung mục tiêu là “đánh đổ chế độ thống trị Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam là nhiệm vụ chung, vì lợi ích và yêu cầu chung của nhân dân cả nước”. Nghị quyết nêu rõ

nhiệm vụ của cách mạng miền Nam: “Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, góp phần xây dựng một nước VN hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh... Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới”. Đồng thời Nghị quyết xác định phương pháp tiến hành đấu tranh ở miền Nam là: “Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” và theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đưa cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn phát triển mới. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã đến với các địa phương ở miền Nam bằng nhiều con đường, đi vào quần chúng đúng lúc họ đang ở vào tình thế “không muốn sống như cũ” và đang khát khao mong đợi đường lối của Đảng. Vì vậy khi cán bộ, quần chúng hiểu Nghị quyết với tinh thần là “Đảng cho đánh rồi” đã nổi dậy và tạo nên phong trào Đồng khởi rộng khắp các tỉnh miền Nam nhằm phá ách kìm kẹp của địch, xây dựng chính quyền cách mạng, theo phương châm dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, tiêu biểu là tỉnh Bến Tre. Thắng lợi phong trào Đồng khởi tỉnh Bến Tre đã tác động mạnh đến phong trào cách mạng hầu hết các tỉnh Nam Bộ. Lực lượng vũ trang nhân dân phát triển mạnh với 3 hình thức: Các đội tự vệ, du kích xã; các đội vũ trang ở huyện, tỉnh; các đơn vị bộ đội tập trung của khu ngày càng lớn mạnh, là sức mạnh lớn của phong trào cách mạng ở miền Nam. Phong trào Đồng khởi ở nông thôn miền Nam đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị diễn ra mạnh mẽ. Phong trào đã giành thắng lợi khiến quân địch thua thảm hại; đẩy chính quyền địch vào thế khó khăn, khủng hoảng kéo dài triển miên dẫn đến hàng loạt những cuộc đảo chính, li khai và đồng thời cũng thu hút sự ủng hộ và đồng tình của các nước xã hội chủ nghĩa và loài người tiến bộ.

3. Giá trị của Nghị quyết Trung ương 15:

Nghị quyết đã chứng tỏ quan điểm độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc vận dụng lý luận của chủ nghĩa Marx - Lenin và kinh nghiệm của các nước XHCN, kinh nghiệm Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp vào điều kiện cụ thể của đất nước để đưa cách mạng VN phát triển. Đó là sử dụng “lực lượng vật chất để đánh bại lực lượng vật chất”; sử dụng bạo lực cách mạng; khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền v.v...

Có thể nói, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 là một nghị quyết có giá trị lịch sử sâu sắc, tạo nên sự chuyển biến căn bản của phong trào cách mạng miền Nam, đưa cách mạng miền Nam tiến lên, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng cách mạng, giáng một đòn bất ngờ vào chiến lược của đế quốc Mỹ và tay sai, làm thất bại chiến lược “Chiến tranh một phía” của địch, tạo cơ sở vững chắc để nhân dân ta đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Nghị quyết ra đời cũng là lúc miền Nam đã có những cuộc nổi dậy vũ trang và đã có nhiều trận đánh của các lực lượng cách mạng. Tuy nhiên, những trận đánh này, cùng với các cuộc đấu tranh chính trị, chủ yếu vẫn là để giữ vững quyền sống và bảo toàn lực lượng, có tính chất tự vệ. Nhưng dưới ánh sáng của Nghị quyết, với phương châm, phương thức và mục tiêu hoàn chỉnh của nó là vũ khí lý luận vững chắc để Đảng bộ và nhân dân miền Nam cùng với nhân dân cả nước vùng dậy tấn công tiêu diệt kẻ thù, giành thắng lợi cho cách mạng.

Nghị quyết đã đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của cách mạng miền Nam và nhanh chóng biến thành phong trào Đồng Khởi rộng khắp, tạo ra bước phát triển mới làm thất bại từng bước cuộc “Chiến tranh một phía” của Mỹ ở miền Nam và do đó đã tạo đà cho các thắng lợi tiếp theo của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị khẳng định: “Nghị quyết 15 phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam trong tình thế thực sự chín muồi, đáp ứng nguyện vọng thiết tha lúc này của cán bộ và đồng bào miền Nam. Nó là ngọn lửa dấy lên cao trào Đồng khởi làm soay chuyển tình thế cách mạng miền Nam lúc bấy giờ”. Để tiếp tục khẳng định tầm vóc lịch sử của Nghị quyết này, tháng 7/1997 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương khóa II là sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng, của tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị khóa II, xuất phát từ những định hướng chiến lược đầu tiên của Chủ tịch HCM từ tháng 7/1954 khi hòa bình vừa mới lập lại trên một nửa đất nước, có sự trực tiếp chỉ đạo công phu của đồng chí Lê Duẩn, quyền Tổng Bí thư lúc bấy giờ, cùng một số đồng chí trong Bộ Chính trị và trong Trung ương. Nghị quyết phản ánh đúng nguyện vọng của đồng bào, đồng chí ở miền Nam nước ta lúc đó”.

Nghị quyết là một thành công điển hình của Đảng về phương pháp tiến hành cách mạng bạo lực, về nghệ thuật chỉ đạo khởi sự cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Mở đầu bằng “Đồng khởi” do đồng bào và chiến sỹ miền Nam trực tiếp tiến hành, cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam thực sự đã được khởi động một cách độc đáo, khéo léo, phù hợp với năng lực cách mạng của nhân dân miền Nam, phù hợp với thời cơ lịch sử, gây bất ngờ lớn cho kẻ địch, làm yên lòng nhiều bạn bè quốc tế.

II/ Vì sao ĐCSVN thực hiện đổi mới tư duy đối ngoại theo phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá QH quốc tế? Hãy đánh giá tác động của phương châm này đối với hoạt động đối ngoại của VN trong thời kỳ đổi mới.

1. Hoàn cảnh ra đời:

a) Tình hình thế giới:

Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến động. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng đã tác động sâu sắc đến nền kinh tế thế giới. Xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hòa hoãn giữa các nước lớn. Các nước đang phát triển cũng dần đổi mới chính sách đối ngoại, thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế để tranh thủ sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật và công nghệ. Hai xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa cũng có những ảnh hưởng không nhỏ đến chính sách ngoại giao của các nước, trong đó có các nước Đông Nam Á.

Trong khi đó, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Đến đầu những năm 90, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ hoàn toàn. Trật tự thế giới hai cực theo đó cũng tan rã, mở ra thời kỳ mới với việc hình thành trật tự thế giới đa cực.

Tư duy về sức mạnh trên thế giới cũng có sự thay đổi. Sức mạnh của một quốc gia không chỉ bó hẹp ở mặt quốc phòng, quân sự, chính trị mà phải là tổng thể của sự phát triển tất cả các mặt: kinh tế, văn hóa – xã hội, khoa học công nghệ, ... trong đó, kinh tế phải được đặt lên vị trí hàng đầu.

Những thành tựu của cuộc cách mạng kỹ thuật và CNTT trong những năm cuối thế kỷ XX đã làm tăng tốc sự phát triển của lực lượng sản xuất, đưa loài người từ xã hội công nghiệp sang xã hội hậu công nghiệp và đang bước vào ngưỡng cửa của xã hội thông tin, nền kinh tế tri thức. Chính sự phát triển mạnh mẽ này, về khách quan đã đặt ra yêu cầu mở rộng thị trường lên một tầm mức mới, bằng những phương cách mới. Quan hệ kinh tế vượt qua rào cản về địa lý, lan ra toàn cầu. Hàng hóa, tiền tệ, thông tin, ... lưu thông khắp các nước và dần hình thành mạng lưới kinh tế đa chiều.

b) Tình hình trong nước và những tác động của tình hình thế giới đến việc hình thành chính sách đổi mới:

Trước đổi mới do không nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc hội nhập quốc tế và thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới, chưa bắt kịp với xu hướng quốc tế mà VN vẫn trong thế bị bao vây, cô lập. Lấy cớ “Sự kiện Campuchia”, các nước ASEAN và một số nước khác thực hiện cấm vận chúng ta; Mỹ đã ba lần phủ quyết chúng ta gia nhập Liên hợp quốc... bị cô lập, lại bị các thế lực thù địch chống phá, cộng với các chính sách phát triển sai lầm, không phù hợp với hoàn cảnh khiến nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Những biến động của tình hình thế giới cũng tác động sâu sắc đến nhận thức và tư duy của Đảng, là cơ sở cho sự đổi mới các chính sách. Đặc biệt sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa (đứng đầu là Liên Xô) là bài học quý giá cho chúng ta. Đảng nhận định rằng sự sụp đổ đó không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung mà là sự sụp đổ của một mô hình xã hội chủ nghĩa đã bị biến dạng, mang nhiều khuyết tật. Từ đó, Đảng đã rút ra nhiều kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đối với xu hướng toàn cầu hóa, Đảng khẳng định: toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, có cả mặt tích cực và tiêu cực. Chúng ta cần phải tham gia quá toàn cầu hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực nhưng vẫn đảm bảo độc lập, tự chủ.

Xuất phát từ tình hình cụ thể trong và ngoài nước và nhu cầu phát triển của nước ta, những đánh giá về cục diện thế giới và khu vực nói trên, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra vào tháng 12/1986, Đảng ta bắt đầu đã có những đổi mới sâu sắc và mang tính chiến lược về đường lối và chính sách đối ngoại, đó là đường lối đổi mới xã hội về mọi mặt. Đại hội VIII của Đảng chủ trương “đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại”.

****Quá trình phát triển tư duy lý luận:***

Trong đường lối ngoại giao thời kỳ đổi mới của Đảng không thể không nhắc đến chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại. Đây là một trong những chủ trương quan trọng, thể hiện rõ nét sự đổi mới của Đảng trong quan điểm và tư duy về công tác đối ngoại. Có thể nói, việc đa phương hóa, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại là cơ sở tiền đề để chúng ta thực hiện được các chủ trương khác như hội nhập kinh tế quốc tế hay nâng cao vị thế của VN trên trường quốc tế.

Trước thời kỳ đổi mới, chúng ta đánh giá các quốc gia, các dân tộc khác chỉ đơn thuần theo tiêu chí chính trị; cách mạng và phản cách mạng, xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa, tốt và xấu, bạn và thù; có khuynh hướng đánh giá một cách chủ quan về sức mạnh tuyệt đối của chủ nghĩa xã hội mà không nhận thấy chủ nghĩa tư bản với khoa học công nghệ đã và đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là nền kinh tế. Do đó, Đảng chủ trương tập trung phát triển quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực Đông Nam Á và các xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô – coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách ngoại giao. Điều này khiến cho quan hệ đối ngoại của VN bị bó hẹp trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và trong khu vực.

Tại Đại hội VI, lần đầu tiên Đảng đặt cơ sở cho việc mở rộng quan hệ kinh tế ra ngoài các nước xã hội chủ nghĩa bằng chủ trương: “Chúng ta cần tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác”. Triển khai chính sách này, tháng 12/1987, Đảng đã ban hành Luật đầu tư nhằm thu hút vốn từ các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội. Đại hội VI cũng đưa ra nhiều điều chỉnh quan trọng khác, trong đó có chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Đây là những chủ trương mở đầu cho quá trình đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại.

Nội tiếp tinh thần của Đại hội VI, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 Khóa VII (6/1992) về chính sách đối ngoại là một Nghị quyết hết sức quan trọng, đã cơ bản hoàn chỉnh đường lối, chính sách đối ngoại đổi mới của nước ta. Mục tiêu đối ngoại là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc; đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Để thực hiện được mục tiêu đó, một trong những việc chúng ta cần làm đó là đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế song song với giữ vững nền độc lập tự chủ. Độc lập tự chủ, phát huy cao độ nội lực là nền tảng để phát triển các quan hệ quốc tế và hội nhập quốc tế. Độc lập tự chủ không có nghĩa là biệt lập, trái lại, phải mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ quốc tế, xây dựng được thế đứng vững chắc trên trường quốc tế.

Chúng ta mở rộng quan hệ đối ngoại theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Chúng ta mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và mọi vùng lãnh thổ trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị - xã hội và ý thức hệ; trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học – công nghệ, văn hóa, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh,...; cả quan hệ song phương và đa phương; cả quan hệ ngoại giao của Quốc hội, Chính phủ, quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân. Chúng ta coi trọng phát triển quan hệ hòa bình, hợp tác, hữu nghị với các nước láng giềng, khu vực, mở rộng quan hệ ngày càng sâu, ổn định, bền vững với các nước lớn, các trung tâm kinh tế - tài chính quốc tế lớn là những lực lượng ảnh hưởng đáng kể đến an ninh và phát triển của nước ta. Đồng thời ta không xem nhẹ phát triển quan hệ với các nước khác, các nước bè bạn truyền thống, các lực lượng cách mạng và tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng (6/1996) quyết định đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, hướng hoạt động đối ngoại sang phục vụ phát triển kinh tế là chủ yếu và Nghị quyết Đại hội IX (4/2001) nâng lên một mức cao hơn, chủ trương “VN sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Từ chính sách đối ngoại chủ yếu dựa vào Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng đã chuyển sang chính sách đối ngoại mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế với phương thức tập hợp lực lượng rất linh hoạt, theo từng vấn đề và từng thời điểm cụ thể. Trong quan hệ quốc tế, chúng ta không đơn giản phân định địch – ta, thù – bạn mà nhận định một cách biện chứng hơn: Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ bình đẳng, cùng có lợi với VN đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực nào có âm mưu và hoạt động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh. Trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cạnh tranh thủ hợp tác; trong một số đối tác quan trọng nhưng vẫn có thể có sự khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta thì vẫn phải đấu tranh; xác định đối tượng đối tác tùy theo tình huống, hoàn cảnh, tránh mơ hồ, cứng nhắc.

2. Đánh giá:

Với chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong các quan hệ ngoại giao của Đảng, chúng ta đã đạt được một số thành tựu nhất định cũng như gặp phải một số hạn chế.

a) Khó khăn:

Những thực tế trên đã chứng tỏ đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng là đúng đắn, thể hiện sự trưởng thành về nhận thức, quan điểm. Tuy nhiên có không ít những khó khăn, thử thách mà chúng ta phải đối mặt.

Một là, cùng với quá trình mở rộng quan hệ ngoại giao những lo ngại về an ninh trong nước cũng gia tăng với nhiều mầm mống nguy hại như sự can thiệp từ bên ngoài, các lực lượng khủng bố, cực đoan...

Hai là, trong quan hệ với các nước, đặc biệt là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động, dễ bị chi phối, áp đặt.

Ba là, hội nhập kinh tế quốc tế cũng đem lại nhiều thách thức cho nền kinh tế trong nước như sự cạnh tranh của hàng ngoại, hàng kém chất lượng...

Cuối cùng, việc mở rộng giao lưu văn hóa khiến du nhập vào VN nhiều yếu tố văn hóa không lành mạnh, không phù hợp với văn hóa truyền thống người Việt, thậm chí còn mang tính chất phản động

Bên cạnh đó còn rất nhiều khó khăn, thách thức nữa khi tiến hành mở rộng quan hệ ngoại giao, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, đòi hỏi Đảng phải thật tỉnh táo, đứng đắn khi đề ra các chính sách, đường lối tiếp theo.

b) Thành tựu:

Thành công phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận, cô lập; thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị, trên mọi phương diện; từ chính trị, kinh tế đến an ninh, quốc phòng. Đến nay, VN đã có quan hệ ngoại giao khoảng 189/193 thành viên LHQ quốc gia, có quan hệ thương mại với gần 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, là thành viên tích cực của hơn 70 tổ chức khu vực và quốc tế. Chúng ta đã có 98 cơ quan đại diện tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khắp 5 châu lục trên thế giới.. Thế và lực của đất nước ngày càng vững mạnh, vai trò và vị thế của VN trên trường quốc tế được nâng cao hơn bao giờ hết. Tất cả đều là minh chứng cho chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế. VN đã đi từ bình thường hóa quan hệ đến xác lập khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với các nước lớn như TQ, Mỹ, EU (Liên minh châu Âu).

Nhìn chung, quan hệ giữa VN với các nước lớn đã có những tiến bộ rõ rệt. VN hiện nay dưới chính thể Cộng hòa XHCN đã có quan hệ ngoại giao với hơn 180 nước thuộc tất cả các châu lục và có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn. Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử ngoại giao dân tộc, chúng ta đã đảm nhiệm thành công vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009). Sau đó, VN liên tục và đồng thời được các nước tín nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng như: thành viên Hội đồng Nhân quyền (nhiệm kỳ 2014-2016), Hội đồng Kinh tế - Xã hội (ECOSOC) (nhiệm kỳ 2016-2018), thành viên Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) (nhiệm kỳ 2013-2015) và là Chủ tịch Hội đồng Thống đốc IAEA trong 2 năm 2013-2014. VN đã đảm nhiệm vai trò thành viên của ECOSOC nhiệm kỳ 2016-2018 và trong cuộc vận động ứng cử vào HĐBA nhiệm kỳ 2020-2021 thì VN đã đắc cử Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (nhiệm kỳ 2020-2021). Đặc biệt khi dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu, VN đã đề nghị tổ chức cuộc họp giữa VN và tám nước thành viên không thường trực khác của HĐBA LHQ (9/4/2020) nhằm thống nhất và phát huy vai trò trong việc huy động phối hợp quốc tế nhằm ứng phó đại dịch COVID-19 của HĐBA LHQ. Trong suốt gần 43 năm là thành viên có trách nhiệm của Liên hợp quốc trên cả ba trụ cột hòa bình – an ninh, phát triển và quyền con người.

Bên cạnh ngoại giao chính trị, hoạt động ngoại giao văn hóa VN cũng có những bước phát triển mới, góp phần nâng cao vị thế VN trên trường quốc tế. Trong diễn đàn văn hóa đa phương rộng lớn như Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), ngoại giao văn hóa VN đã phát huy vai trò tích cực, trong đó có những thành tựu đáng ghi nhận như: ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa VN và UNESCO (giai đoạn 2016-2020); đảm nhiệm một số vị trí quan trọng như thành viên Ủy ban Di sản thế giới (nhiệm kỳ 2013-2017), Phó Chủ tịch Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương (MOWCAP) (nhiệm kỳ 2014-2018), và đặc biệt trở thành thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO (nhiệm kỳ 2015-2019) với số phiếu cao nhất từ trước đến nay. Hình ảnh đất nước cũng được đẩy mạnh quảng bá thông qua việc đã có 24 di sản của VN được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Điều này chứng tỏ những bước tiến của ngoại giao văn hóa tại các diễn đàn đa phương, và cho thấy tình cảm của bạn bè quốc tế đối với một đất nước VN cởi mở, giàu lòng mến khách, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại là một trong số các chủ trương được đề ra và thực hiện trong suốt thời gian qua. Tuy còn những hạn chế nhưng nó vẫn đóng góp một phần to lớn vào quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 1986 đến nay. Chủ trương ấy có ý nghĩa rất quan trọng trong việc góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giúp nền kinh tế VN có bước phát triển mới; thế và lực của VN được nâng cao trên thương trường cũng như chính trường quốc tế. Các thành tựu đối ngoại trong suốt quá trình qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế nói chung; chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại nói riêng của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo.

III/ Bằng các sự kiện lịch sử có chọn lọc, chứng minh sự ra đời của ĐCSVN là điều tất yếu. Phân tích nét sáng tạo trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

1. Tính tất yếu lịch sử:

a) Bối cảnh quốc tế:

(Không yêu cầu thì không cần ghi)

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyên từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc. Các nước tư bản đế quốc thực hiện chính sách: bên trong tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài gia tăng các hoạt động xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc làm đời sống nhân dân lao động trên thế giới trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt. Mâu thuẫn này tạo ra tính tất yếu của cách mạng vô sản, phạm trù cách mạng thế giới chuyển sang phạm trù cách mạng XHCN và nó dần trở thành một vấn đề mang tính thời đại. Từ đây, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

Năm 1917, với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác - Lênin từ lý luận đã trở thành hiện thực, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; là ánh sáng soi đường cho các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Tháng 3 năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với VN, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx - Lenin và thành lập ĐCS VN.

b) Bối cảnh trong nước:

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược VN và từng bước thiết lập bộ máy thống trị, biến nước ta từ một quốc gia phong kiến thành “*một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác*”. Chúng ngang nhiên tiến hành những cuộc khai thác thuộc địa nhằm khai thác tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt. Chính sách thống trị của thực dân Pháp là chuyên chế về chính trị, kiểm hãm về kinh tế khiến cho xã hội VN có những biến đổi lớn.

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, đó là một chính sách chuyên chế điển hình, chúng đàn áp đẫm máu các phong trào và hành động yêu nước của người VN, mọi quyền tự do bị cấm. Chúng chia rẽ ba nước Đông Dương, chia VN thành ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng.

Về kinh tế, thực dân Pháp cấu kết với giai cấp địa chủ để thực hiện chính sách bóc lột tàn bạo, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; ra sức vơ vét tài nguyên, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề, vô lý; xây dựng một số cơ sở công nghiệp, hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ chính sách khai thác thuộc địa.

Về văn hóa – xã hội, thực dân Pháp tiến hành chính sách ngu dân, chúng bưng bít, ngăn cản ảnh hưởng của văn hóa tiến bộ trên thế giới, khuyến khích văn hóa độc hại, nô dịch, sùng Pháp, xuyên tạc lịch sử, giá trị văn hóa VN và dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu để dễ bề phục tùng sự cai trị của chúng.

2. Tiền đề lý luận và thực tiễn:

a) Về lý luận:

Giữa thế kỷ XX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh. Yêu cầu bức thiết lúc bấy giờ phải có hệ thống lý luận khoa học với tư cách là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản.

Trong hoàn cảnh đó, chủ nghĩa Marx – Lenin ra đời, là học thuyết, là nguyên tắc, là quy luật chung của lịch sử để đi lên chủ nghĩa xã hội, là học thuyết chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất. Học thuyết Marx – Lenin đã chỉ rõ: Phải thành lập ĐCS ở các nước tư bản chủ nghĩa với nhiệm vụ lãnh đạo giai cấp vô sản và quần chúng đấu tranh nhằm lật đổ chế độ tư bản, lật đổ áp bức, bóc lột và tiến lên xây dựng xã hội mới – xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; xã hội không còn áp bức, bóc lột, không còn bất bình đẳng và bất công, con người được giải phóng hoàn toàn và được tạo mọi điều kiện cần thiết để tự do phát triển những tiềm năng của bản thân. Kể từ khi chủ nghĩa Marx – Lenin được truyền bá vào VN, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở VN. Khi ấy, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx – Lenin vào thực tiễn cách mạng VN, sáng lập ra ĐCSVN.

b) Về thực tiễn:

Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu xâm lược VN, từng bước thiết lập chế độ thống trị tàn bạo, phản động của chủ nghĩa thực dân ở VN. Dưới quá trình khai thác thuộc địa triệt để của thực dân Pháp đã làm cho xã hội VN có những biến đổi lớn, hai giai cấp mới ra đời: giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Trong xã hội tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc VN với thực dân Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân ta, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến tay sai, chỗ dựa cho bộ máy thống trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp. Hai mâu

thuần đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp xâm lược là mâu thuẫn chủ yếu. Vì vậy, nhiệm vụ chống thực dân Pháp xâm lược và nhiệm vụ chống địa chủ phong kiến tay sai không tách rời nhau. Đấu tranh giành độc lập dân tộc phải gắn chặt với đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

Đó là yêu cầu của cách mạng VN đặt ra, cần được giải quyết.

Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài, gian khổ, dân tộc ta sớm hình thành truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất. Vì vậy, ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta liên tiếp đứng lên chống lại chúng. Từ năm 1858 đến trước năm 1930, hàng trăm cuộc khởi nghĩa, phong trào chống Pháp đã nổ ra theo nhiều khuynh hướng khác nhau, như khởi nghĩa của Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, phong trào Cần Vương, phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy Tân; các cuộc khởi nghĩa do Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học... lãnh đạo. Các cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh đó vô cùng anh dũng, nhưng đã bị thực dân Pháp đàn áp tàn bạo và đều thất bại. Nguyên nhân cơ bản dẫn tới thất bại của các phong trào đấu tranh là do những người đứng đầu các cuộc khởi nghĩa, các phong trào chưa tìm được con đường cứu nước phản ánh đúng nhu cầu phát triển của xã hội VN. Khi ấy, cách mạng nước ta đứng trước sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Việc tìm một con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và thời đại là nhu cầu bức thiết nhất của dân tộc ta lúc bấy giờ.

Giữa lúc cách mạng VN đang lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, ngày 5/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm con đường cứu nước. Từ 1919 -1929, thông qua hoạt động chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Marx – Lenin vào VN. Khi chủ nghĩa Marx – Lenin được truyền bá sâu rộng vào VN đã dẫn lối cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Mặc dù có ba ĐCS ((Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) lần lượt ra đời nhưng đều hoạt động riêng rẽ nên yêu cầu bức thiết lúc đó là phải hợp nhất thành một Đảng duy nhất. Vì vậy, từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị đã quyết định hợp nhất 3 tổ chức Đảng thành ĐCS VN; thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng.

Như vậy, ĐCSVN ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân VN và hệ tư tưởng Marx – Lenin đối với cách mạng VN. Sự kiện ĐCSVN ra đời đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta.

3. Tính đúng đắn và sáng tạo trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCSVN:

Đường lối lãnh đạo là một trong những vấn đề chiến lược của Đảng cầm quyền. Vì vậy, xác định được điều đó, ngay từ ĐCSVN ra đời, các đại biểu đã thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng, đó được xem như cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta. Mặc dù còn sơ lược, vắn tắt nhưng nó đã khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo, khoa học và thể hiện cô đọng các luận điểm cách mạng cơ bản, đánh giá chính xác tính chất xã hội VN lúc bấy giờ; xác định đường lối phát triển, chiến lược, sách lược của cách mạng VN được thực hiện bằng sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc do ĐCSVN lãnh đạo. Do đó, nó nhanh chóng trở thành kim chỉ nam dẫn lối Đảng ta trong mọi thời kỳ cách mạng, và đặc biệt có giá trị trong thời đại ngày nay.

****Tính đúng đắn của Cương lĩnh được khẳng định qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và xây dựng đất nước, được thể hiện qua những vấn đề sau:***

Một là, Cương lĩnh xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) là chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Xuất phát từ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, Cương lĩnh đã phân tích mối quan hệ gắn bó giữa hai nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc và chống phong kiến gắn bó chặt chẽ với nhau nhưng trước hết phải đánh đổ đế quốc, “làm cho nước VN hoàn toàn độc lập”. Đây là cơ sở để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Chỉ có độc lập tự do của đất nước mới đủ điều kiện để thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Hai là, chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được xây dựng từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cách mạng VN trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến xây dựng đất nước theo định hướng XHCN hiện nay. Chủ nghĩa yêu nước là nền tảng cơ sở cho sự thống nhất trong khác biệt nhằm tập hợp lực lượng, mà nòng cốt là liên minh công – nông, tạo ra sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

Ba là, xác định rõ sứ mệnh lãnh đạo của Đảng Cộng sản VN. Vai trò của Đảng Cộng sản VN là Đảng của giai cấp vô sản; Đảng được tổ chức ra để dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo quần chúng đấu tranh giải phóng khi bị áp bức, bóc lột “để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”.

Tóm lại, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là cương lĩnh CM GPDT đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn sâu sắc với tư tưởng cốt lõi “Độc lập – Tự do” cho dân tộc.

IV/ Tại sao ĐCSVN xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển kinh tế tổng quát của VN hiện nay. Đây là quá trình nhận thức, hoàn thiện tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng để thấy rõ hơn về sự tất yếu khách quan, những nội dung và đặc trưng cơ bản, những việc cần thực hiện để đẩy mạnh phát triển kinh tế ở VN.

Đối với VN, quá trình chuyển đổi từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN thực chất là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, được bắt đầu từ Đại hội Đảng VI (1986) và ngày càng được hoàn thiện. Thực tế 20 năm đổi mới và phát triển nền kinh tế theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN đã chứng minh rằng, kinh tế thị trường là con đường phát triển kinh tế có hiệu quả, từ đó quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là cả một quá trình vừa đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế, vừa bám sát các quy luật khách quan và kịp thời tổng kết thực tiễn đầy sống động của VN.

Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) khẳng định: "... thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Đại hội lần thứ X (năm 2006) Đảng tiếp tục khẳng định: "Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế"

Như vậy, trải qua các kỳ Đại hội, chúng ta luôn khẳng định con đường mà chúng ta lựa chọn đó là CNXH và để đi lên CNXH chúng ta phải phát triển kinh tế thị trường. Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta được Đảng khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (năm 1991) với 6 đặc trưng cơ bản và đến nay Đại hội Đảng X tiếp tục khẳng định ngày càng sáng tỏ hơn với 8 đặc trưng cơ bản là: - Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng VN bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Qua 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với những triển vọng tốt đẹp.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN là sự lựa chọn hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển khách quan và xu thế tất yếu của thời đại. Kinh tế thị trường là một phạm trù kinh tế riêng, có tính độc lập tương đối, phát triển theo những quy luật riêng vốn có của nó dù nó tồn tại ở đâu và bất kể thời điểm nào của lịch sử. Song, trong thực tế không có một nền kinh tế thị trường thuần tuý, chung chung cho mọi giai đoạn phát triển, mà gắn với mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội là những nền kinh tế hàng hóa cụ thể.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường cũng là cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa. Đó là sự phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa quy định. Có nghĩa là kinh tế thị trường tồn tại cả trong chủ nghĩa xã hội cũng như trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Kinh tế thị trường XHCN dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể do ĐCS lãnh đạo, mục đích của nền kinh tế thị trường là phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xoá bỏ chế độ bóc lột, giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở VN, Đảng ta khẳng định: phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở VN. Đây là kết quả sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết thực tiễn; và là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng cộng sản VN.

****Nhận định về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là bước phát triển mới về tư duy lý luận, là sự sáng tạo độc lập của Đảng:***

Tiến lên XHCN là xu thế phát triển tất yếu của lịch sử VN, và quá trình đó nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển dưới nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là một trong những phương hướng cơ bản để thực hiện thành công quá trình cách mạng ấy.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là “một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH”. Trong nền kinh tế đó, các thế mạnh của thị trường được sử dụng để “phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống của nhân dân.”, còn tính định hướng XHCN được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối.

Với nền kinh tế thị trường thì Đảng đã nhìn nhận sự phát triển về tư duy như sau:

Một là, KTTT không phải là cái riêng của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

Lịch sử phát triển nền sản xuất xã hội hóa, sản xuất và trao đổi hàng hóa là tiền quan trọng cho sự ra đời và phát triển của kinh tế thị trường. Trong quá trình sản xuất và trao đổi, các trường tố như cung – cầu, giá cả có tác động điều tiết quá trình sản xuất hàng hóa, phân bổ các nguồn lực kinh tế và tài nguyên thiên nhiên như vốn, tư liệu sản xuất, sức lao động... phục vụ cho sản xuất và lưu thông. Thị trường giữ vai trò là một công cụ bổ sung các nguồn kinh tế. Trong một nền kinh tế, khi các nguồn kinh tế, được bổ sung bằng trường nguyên tắc thì đó là trường kinh tế.

Kinh tế thị trường có lịch sử phát triển lâu dài, nhưng đến nay nó mới thể hiện rõ nhất trong tư bản chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa tư bản, nó đạt đến mức độ cao đến mức chi phối toàn bộ cuộc sống của con người trong xã hội đó. Song, chủ nghĩa tư bản không sản xuất kinh tế hàng hóa. Do đó, kinh tế thị trường với tư cách là kinh tế hàng hóa ở độ cao không phải là sản phẩm riêng của tư bản chủ nghĩa mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

Hai là, kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kinh tế thị trường xét dưới góc độ “một kiểu tổ chức kinh tế” là phương thức tổ chức, vận hành nền kinh tế, là phương tiện điều tiết kinh tế trên cơ chế lấy thị trường làm cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế. Kinh tế thị trường là thành tựu chung của văn minh nhân loại, tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau. Kinh tế thị trường vừa có thể liên hệ với chế độ tư hữu, vừa có thể liên hệ với chế độ công hữu và phục vụ cho chúng. Vì vậy, kinh tế thị trường tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường không phải là phát triển tư bản chủ nghĩa hoặc đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và tất nhiên, xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng không dẫn đến phủ định kinh tế thị trường.

Ba là, có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Vào thời kỳ đổi mới, chúng ta ngày càng nhận rõ có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực kinh tế, dùng tín hiệu giá cả để điều tiết chủng loại và số lượng hàng hóa, điều hòa quan hệ cung cầu, điều tiết tỷ lệ sản xuất thông qua cơ chế cạnh tranh, thúc đẩy cái tiến bộ, đào thải cái lạc hậu, yếu kém.

Thực tế cho thấy, chủ nghĩa tư bản không sinh ra kinh tế thị trường nhưng đã biết thừa kế và khai thác có hiệu quả các lợi thế của kinh tế thị trường để phát triển. Thực tiễn đổi mới ở nước ta cũng đã chứng minh sự cần thiết và hiệu quả của việc sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế thừa tư duy của Đại hội IX, Đại hội X và XI đã làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện ở bốn tiêu chí:

Về mục tiêu: Mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhằm giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người cùng lao động chính đáng, giúp đỡ người khác và cùng vươn lên.

Về phương hướng: Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền... phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển. Mặt khác, tiến lên chủ nghĩa xã hội đặt ra yêu cầu nền kinh tế phải được dựa trên nền tảng của sở hữu toàn dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

Về định hướng xã hội: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hạn chế tác động tiêu cực của kinh tế thị trường.

Về định hướng phân phối: Trong lĩnh vực phân phối, định hướng XHCN được thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Đồng thời, để huy động mọi nguồn lực kinh tế cho sự phát triển chúng ta còn thực hiện phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

Về quản lý: Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước Pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiêu chí này thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đảm bảo quyền lợi chính đáng của mọi người.

V/ Phân tích yếu tố thời cơ trong cuộc đấu tranh giành chính quyền của ĐCS Đông Dương (1939 - 1945). Liên hệ với việc nắm bắt thời cơ hiện nay của nước ta.

1. Yếu tố thời cơ:

78 năm trước, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN và Chủ tịch HCM, dân tộc VN đã thực hiện thành công CMT8, đánh đổ thực dân, phong kiến; thành lập nên Nhà nước VN Dân chủ Cộng hòa. Một trong những yếu tố góp phần làm nên thắng lợi to lớn là bài học về chớp thời cơ và vận dụng đúng thời cơ cách mạng.

Trước hết, sự kiện ngày 12/8/1945, sau khi nhận được tin phát xít Nhật Bản bị thua to trên hầu khắp các chiến trường châu Á - Thái Bình Dương trong thế chiến II nên phải gửi công hàm cho các nước Đồng minh đề nghị ngừng bắn. Bằng nhãn quan chính trị nhạy bén, tầm nhìn chiến lược, nắm bắt thời cơ cuộc kip thời, HCM và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nhóm họp ngay tại Tân Trào để quyết định Tổng khởi nghĩa vũ trang trong cả nước. Ngay sau cuộc họp, “Mệnh lệnh khởi nghĩa” đã được phát ra.

13/8/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhận được thêm một tin rất quan trọng, đó là phát xít Nhật đã bại trận và chuẩn bị đầu hàng quân Đồng minh. Ngay lập tức, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc; đồng thời soạn thảo “Quân lệnh số 1” và được phát đi ngay, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc.

14/8/1945, sau khi nghe tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hiroshima của Nhật Bản, Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”. Trên cơ sở đó, HCM đã chỉ thị: “Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút. Tình hình sẽ chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội”. Nhận định và nắm bắt được tình hình có sự chuyển biến nhanh chóng, HCM và Trung ương Đảng quyết định tổng khởi nghĩa ngay lúc đó vì: phát xít Nhật đã gục theo phát xít Đức; quân đội Nhật đã và đang tan rã, bị tước vũ khí trên khắp các chiến trường; quân Đồng Minh sắp kéo vào Đông Dương. Nếu không khởi nghĩa giành chính quyền từ tay quân Nhật mà để đến khi quân Đồng Minh kéo vào, nhận bàn giao chính quyền từ tay quân Nhật thì nhân dân ta không thể tiến hành khởi nghĩa được nữa, vì lúc này Việt Minh đang cùng phe với quân Đồng Minh.

Thứ hai, sự kiện Chính phủ Cách mạng lâm thời yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị và tiếp nhận sự thoái vị của nhà vua (ngày 30/8/1945 tại Huế) cũng là việc lực lượng cách mạng đã chớp thời cơ, tranh thủ thời cơ và vận dụng đúng thời cơ. Việc vua Bảo Đại thoái vị đánh dấu sự sụp đổ của chính quyền phong kiến; đồng thời triệt tiêu một đầu mối quan trọng mà các thế lực đế quốc, phản động muốn duy trì, sử dụng để mưu toan chống phá chính quyền cách mạng, đặt lại ách thống trị trên đất nước ta.

Cuối cùng, sự kiện ngày 2/9/1945, Chủ tịch HCM đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập” nhằm tuyên bố với toàn thể ND VN và với thế giới: Nước VN Dân chủ Cộng hòa, độc lập và tự do đã ra đời; Chính phủ lâm thời của nước VN Dân chủ Cộng hòa cũng đã chính thức ra mắt trước quốc dân đồng bào. Nếu chậm trễ không tuyên bố độc lập, chủ quyền trước khi quân Đồng Minh tiến vào thì dù có cướp được chính quyền cũng phải bàn giao lại cho quân Đồng Minh tiếp quản. Vì vậy, việc HCM tiếp tục khẩn trương chỉ đạo sớm tiến hành tổ chức quốc khánh sau khi cuộc Tổng khởi nghĩa CMT8 thành công nhằm mục đích ngay lập tức khẳng định chủ quyền của nhân dân VN trước các thế lực đế quốc, phản động đội lốt dưới danh nghĩa quân Đồng Minh chứng tỏ Người có cái nhìn xa trông rộng, biết nắm bắt và tận dụng thời cơ.

Có thể khẳng định, thành công lớn nhất của nghệ thuật khởi nghĩa trong CMT8 là: Đảng ta đã chọn đúng thời cơ "nở ra đúng lúc". Đó là lúc 16 nghìn quân Anh chưa vào miền Nam và 200 nghìn quân Tưởng chưa vào miền Bắc để giải giáp quân Nhật; cũng là lúc quân Nhật bại trận mất tinh thần, ngồi chờ Đồng Minh đến tước vũ khí; Ngụy quyền tay sai bỏ trốn hoặc đầu hàng chính quyền cách mạng. Chọn đúng thời cơ là một khoa học, là một nghệ thuật, nhờ thế sức mạnh của toàn dân ta được nhân lên gấp bội, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước một cách nhanh, gọn, không đổ máu và thành công triệt để.

Thành công của CMT8/1945 chứng tỏ Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch HCM, có tầm nhìn vượt trước thời gian, xác định đúng thời cơ, cho nên đã chuẩn bị tốt lực lượng, sẵn sàng chủ động, chớp thời cơ lãnh đạo nhân dân ta đứng lên tổng khởi nghĩa giành thắng lợi. Đây là sự vận dụng sáng tạo quy luật vận động phát triển của khởi nghĩa và cách mạng, khôn khéo trong nghệ thuật chỉ đạo chớp thời cơ, giành thắng lợi.

2. Liên hệ:

Thời gian qua, toàn cầu hóa và xu hướng hội nhập quốc tế là một diễn biến khách quan mang tính tất yếu. Đảng ta đã biến nó thành cơ hội khi chuẩn bị tâm thế sẵn sàng hội nhập trên mọi lĩnh vực, từ KT, VH đến CT. VN gia nhập ASEAN, trở thành thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), ứng cử Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc... và có những bước phát triển mới, đảm nhiệm vai trò quan trọng, nâng cao uy tín trên trường quốc tế.

VI/ Trong Nghị quyết Trung ương 9 khóa 11 (năm 2014), ĐCSVN đã đề ra quan điểm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần cho xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước”. Nêu ý kiến về quan điểm trên.

Về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững, Đảng ta xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước.” Quan điểm ấy được thể hiện qua những nội dung cơ bản:

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Quan điểm này một lần nữa khẳng định vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là chăm lo nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh thì không có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Các giá trị văn hóa tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và cả dân tộc. Các giá trị văn hóa được nối tiếp, trao truyền và phát huy qua các thế hệ người VN, đó là tất yếu của dòng chảy lịch sử từ quá khứ đến hiện tại và hướng đến tương lai, tương lai của những giá trị phổ quát chân - thiện - mỹ. Vì vậy, chúng ta làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để các giá trị văn hóa trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội.

Để phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, chúng ta cần phải mở rộng giao lưu quốc tế và khu vực, tiếp thu có chọn lọc cái hay, cái tiến bộ trong tinh hoa văn hóa các dân tộc khác để làm giàu thêm cho nền văn hóa dân tộc, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, làm cho văn hóa VN bắt kịp sự phát triển của văn hóa nhân loại trong thời đại ngày nay và chống lại cái đã trở nên lạc hậu, lỗi thời, xa lạ với văn hóa. Đảng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, nghĩa là đề cao, coi trọng nguồn lực văn hóa của sự phát triển bền vững đất nước. Hệ thống di sản văn hóa, các giá trị văn hóa là “tài sản” vô giá, vô tận cho sự phát triển KT -XH, đó còn là cơ sở tinh thần cho sự ổn định xã hội và sự bền vững của chế độ ta.

Hai là, văn hóa là mục tiêu của phát triển bền vững đất nước.

Mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây cũng chính là mục tiêu của văn hóa, nếu hiểu theo nghĩa rộng nhất của văn hóa. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 xác định: Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Đồng thời nêu rõ yêu cầu “tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường”, ngày nay không thể phát triển bằng mọi giá, nhất là chạy theo lợi nhuận tối đa, vì lợi ích hôm nay mà làm tổn hại đến tương lai.

Từ đổi mới đến nay, Đảng ta nhất quán tạo lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó phải là nền kinh tế giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân và xã hội, giữa kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo bền vững về môi trường sinh thái, tạo cơ sở nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Để đạt được điều đó phải cần đến văn hóa, sự tham gia của văn hóa vào trong tổ chức và hoạt động của nền kinh tế vì mục tiêu phát triển xã hội, phát triển con người, đó chính là vai trò của văn hóa trong kinh tế, kinh tế trong văn hóa. Văn hóa với tư cách là đời sống tinh thần xã hội, một mục tiêu đặc biệt quan trọng, vì nó là nhu cầu phong phú, vô cùng, vô tận, tinh tế của con người, nhu cầu tinh thần còn là nhu cầu nhân văn và là cứu cánh của con người, văn hóa ấy vừa đáp ứng nhu cầu của con người, xã hội tiến bộ, vừa thúc đẩy con người đạt được niềm tin, sự khác vọng hạnh phúc.

Ba là, văn hóa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước.

Thực tế cho thấy, không ít những quốc gia, dân tộc không giàu về tài nguyên thiên nhiên, thậm chí còn nghèo nàn và hạn hẹp nhưng lại giàu về kinh tế, kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ chính là nhờ coi trọng yếu tố văn hóa, con người thông qua việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài mở đường cho sự phát triển. Như vậy, nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một đất nước thấm sâu trong văn hóa, con người. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, cái tốt, cái tiến bộ nhưng không thể tách rời, bỏ qua cội nguồn, phát triển phải vừa trên cội nguồn, cội nguồn đó của mỗi dân tộc là văn hóa.

Kinh nghiệm qua hơn 30 năm sự nghiệp đổi mới ở nước ta đã chứng minh rằng, ngay bản thân sự phát triển kinh tế cũng không chỉ do các nhân tố thuần túy kinh tế tạo ra, mà động lực của sự đổi mới kinh tế đó một phần quan trọng nằm trong văn hóa. Trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động và làm thay đổi quan niệm về phát triển kinh tế, phát triển bền vững, phát triển không đơn thuần chỉ dựa vào điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, mặc dù yếu tố này phong phú, đa dạng nhưng đều có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt, mà dần dần chuyển sang yếu tố quyết định cho sự phát triển chính là trí tuệ, tri thức, thông tin, là sáng tạo và đổi mới không ngừng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cá nhân và xã hội, đó tức là văn hóa, vai trò của văn hóa trong phát triển, chỉ có sự tham gia của văn hóa mới đưa đến sự phát triển bền vững.

Ngày nay, nguồn lực con người, là tiềm năng sáng tạo của con người. Tiềm năng sáng tạo này nằm trong văn hóa, tri tuệ, tâm hồn, đạo đức, nhân cách của mỗi cá nhân và cộng đồng. Chỉ có nguồn lực này là vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh, không bao giờ cạn kiệt, các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng, thì các nguồn lực đó dù có phong phú, đa dạng, thì cũng không thể tham gia và phát huy tác dụng vào trong phát triển.

VII/ Phân tích sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong CMT8.

Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ (1/9/1939) tác động sâu sắc đến tình hình chính trị thế giới. Để phục vụ cho chiến tranh, thực dân Pháp thực hiện nhiều chính sách cực kỳ phản động, giải tán Đảng Cộng sản ở Pháp, ở Đông Dương, chúng thực thi chính sách cai trị tàn bạo, điên cuồng tấn công nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản và các đoàn thể do Đảng lãnh đạo, thực hiện chính sách khủng bố, ban bố lệnh tổng động viên, ra sức bắt người, cướp của tại chỗ phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc của chúng. Chính sách phát xít hóa bộ máy chính quyền thực dân đế quốc ở Đông Dương không làm Đảng ta bất ngờ, vì Đảng đã sớm dự báo vấn đề này.

Khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ, Đảng cho rằng nếu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) làm xuất hiện tình thế cách mạng ở Nga, dẫn tới cuộc Cách mạng Tháng Mười năm 1917 nổ ra, thì cuộc chiến tranh thế giới lần này sẽ làm xuất hiện tình thế cách mạng. Nắm vững và vận dụng sáng tạo tư tưởng cách mạng của

V.I.Lênin: giai cấp vô sản nắm lấy ngọn cờ dân tộc, tự mình trở thành dân tộc, dựa trên cơ sở phân tích diễn biến tình hình ở Đông Dương lúc này, Đảng kịp thời đề ra chủ trương cách mạng mới. Chiến lược cách mạng đã được Đảng xác định trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930), đó là đường lối cách mạng vô sản ở VN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong ba Hội nghị Trung ương 6, 7, 8, Đảng không có sự thay đổi chiến lược cách mạng, mà dựa trên cơ sở nắm vững sự biến đổi của tình hình thế giới và Đông Dương, nhu cầu đòi hỏi khách quan của thực tiễn cách mạng, bổ sung phát triển chiến lược cách mạng phù hợp nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng phát triển, mau chóng thắng lợi. Chủ trương của Đảng trong ba Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 là sự nối tiếp, phát triển chiến lược cách mạng của Đảng ở thời kỳ mới, thể hiện tư duy mới về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, tập trung trong mấy vấn đề cơ bản:

Một là, chuyển hướng mục tiêu đấu tranh từ đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ hằng ngày lên mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đảng khẳng định vấn đề sống còn của các dân tộc Đông Dương lúc này là phải tập trung lực lượng đánh đổ đế quốc và tay sai phản động, giải phóng dân tộc. Trong các Hội nghị Trung ương, Đảng chỉ rõ tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Cách nêu lên như vậy không đồng nghĩa với việc Đảng từ bỏ cách mạng ruộng đất, mà vẫn thực hiện đồng thời. Sự sáng tạo của Đảng trong chuyển hướng chỉ đạo là thực hiện nhiệm vụ chống phong kiến và nhiệm vụ dân chủ khác rải ra làm từng bước, phục tùng và phục vụ cho nhiệm vụ hàng đầu là chống đế quốc giải phóng dân tộc. Đây là bước phát triển tư duy lý luận của Đảng so với thời kỳ trước.

Sự chuyển hướng nhiệm vụ, mục tiêu cách mạng là nội dung quan trọng nhất trong chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng thời kỳ 1939-1945. Xét về thực chất, chủ trương này của Đảng nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, dân tộc và dân chủ trên lập trường giai cấp công nhân. Chủ trương ra đời không chỉ có giá trị trong phân hóa cô lập kẻ thù, tập trung lực lượng chống kẻ thù chính, mà còn trực tiếp định hướng thống nhất mọi hoạt động của các LLCM tập trung vào thực hiện thắng lợi mục tiêu hàng đầu của CM: GPDT.

Hai là, thành lập mặt trận dân tộc thống nhất riêng trong từng nước, lấy liên minh công - nông làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trước khi diễn ra Hội nghị Trung ương 6, 7, 8, vấn đề thành lập, xây dựng phát triển lực lượng cách mạng luôn được Đảng coi trọng, bởi không có lực lượng cách mạng thì không thể làm cách mạng. Theo đó, Đảng từng bước lãnh đạo, chỉ đạo xúc tiến thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương - mặt trận chung cho cả 3 dân tộc.

Từ khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ, xuất hiện tình thế cách mạng, Đảng phân tích kỹ lưỡng và cho rằng tuy dân tộc VN, Lào, Campuchia cùng trên bán đảo Đông Dương, song mỗi dân tộc lại có những đặc điểm, yêu cầu riêng trong tập hợp lực lượng cách mạng. Vận dụng lý luận Mác - Lênin về “quyền dân tộc tự quyết”, Đảng chủ trương mỗi nước thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng. Tháng 5-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập ở VN. Chủ trương này của Đảng vừa tạo điều kiện để các lực lượng cách mạng trong từng nước tận dụng những thế mạnh trong xây dựng phát huy kịp thời sức mạnh toàn dân tộc, đồng thời khắc phục những biểu hiện thiếu tính chủ động, ý lại. Đảng cũng chỉ rõ việc thành lập mặt trận dân tộc thống nhất riêng ở mỗi nước không có nghĩa tách biệt giữa các mặt trận, mà các mặt trận phải liên minh chặt chẽ với nhau, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương. Phải tích cực xây dựng, phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất mỗi nước trở thành tổ chức tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, trên nền tảng lấy liên minh công - nông làm nòng cốt.

Ba là, chuyển hướng phương pháp đấu tranh cách mạng. Chủ trương và phương pháp đấu tranh cách mạng luôn được Đảng coi là vấn đề mấu chốt của chiến lược cách mạng.

Thắng lợi của cách mạng chỉ có thể giành được trên cơ sở chủ trương và PPCM đúng đắn. Thiếu PPCM đúng đắn thì dù chủ trương có đúng đến bao nhiêu cũng không đem lại thắng lợi cho cách mạng. Trong thời kỳ 1936-1939, chủ trương của Đảng là tranh thủ điều kiện thuận lợi, sử dụng nhiều phương pháp đấu tranh công khai đòi dân sinh, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh phát xít. Đến khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 nổ ra, bộ máy chính quyền thực dân đế quốc ở Đông Dương chuyển mạnh sang “phát xít hóa”: chúng tăng cường đưa quân đội khủng bố, đàn áp, giết hại đồng bào, tìm phá các tổ chức, đoàn thể cách mạng. Các Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 của Đảng đều phân tích, thống nhất rằng phương pháp cách mạng ở thời kỳ trước cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn cách mạng. Theo tinh thần đó, TWĐ quyết định chuyển phương pháp ĐTCM sang thời kỳ mới: kết hợp đấu tranh bí mật, bất hợp pháp với tranh thủ triệt để mọi điều kiện để xây dựng phát triển lực lượng; sử dụng kết hợp lực lượng, hình thức đấu tranh chính trị với lực lượng, hình thức đấu tranh quân sự làm PPĐT chủ yếu để giành chính quyền.

Đến Hội nghị Trung ương 8, Đảng chỉ rõ phương thức (hình thái) đấu tranh giành chính quyền đi từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa. Sự khẳng định như vậy của Đảng thể hiện tính sáng tạo, xuất phát từ sự phân tích khoa học của Đảng về tính chất mâu thuẫn và sự chín muồi không đều về thời cơ khởi nghĩa. Việc xác lập hình thái đấu tranh mang tính “giai đoạn” - khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa cho phép lực lượng cách mạng trong từng nước, từng địa phương chủ động tận dụng tối đa mọi điều kiện, khả năng trong xây dựng, phát huy sức mạnh lực lượng cách mạng khi thời cơ khởi nghĩa vũ trang xuất hiện. Chủ trương này phản ánh tư duy sắc sảo của Đảng trong vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về quy luật “thắng từng bước” vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở VN.

Bốn là, chuyển hướng công tác xây dựng Đảng.

Kể từ khi ra đời, công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng coi là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng vô sản ở VN. Trong thời kỳ 1939-1945, Đảng nhận định sẽ xuất hiện thời cơ cho cuộc “cách mạng chính quyền”, do đó cần chuẩn bị đầy đủ các yếu tố, trong đó công tác xây dựng Đảng đóng vai trò then chốt. Xét về nội hàm, cả ba Hội nghị Trung ương của Đảng đều phân tích, chỉ rõ vấn đề gay gắt đang đặt ra đối với Đảng và cách mạng là thực trạng: đội ngũ cán bộ, đảng viên còn thiếu nhiều, thành phần công nhân trong đảng còn ít; hệ thống tổ chức của Đảng tuy đã phát triển nhưng chưa vững chắc, hoạt động thiếu tính thống nhất, bí mật, trong khi chính quyền đế quốc phát xít và tay sai tìm mọi cách tìm diệt cán bộ, đảng viên, phá tan tổ chức của Đảng. Nếu không kịp thời chỉ đạo chuyển hướng công tác xây dựng Đảng theo đòi hỏi của tình hình thì chẳng những sức mạnh, năng lực lãnh đạo của Đảng bị ngưng trệ, mà phong trào cách mạng khó có thể phát triển giành thắng lợi. Chiến lược nhất quán trong công tác xây dựng Đảng từ khi Đảng ra đời là xây dựng vững mạnh, trong sạch cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Do yêu cầu cấp bách trong thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, các Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 của Đảng đều nhấn mạnh là: gấp rút đào tạo cán bộ, tăng thành phần công nhân trong Đảng, kiện toàn, củng cố vững chắc hệ thống tổ chức của Đảng, nhất là ở Lào và Campuchia. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng thời kỳ 1939-1945 xuất phát từ đòi hỏi khách quan của thực tiễn cách mạng Đông Dương đặt ra. Đó là chủ trương đúng đắn, khoa học của Đảng trong giải quyết mối quan hệ giữa chiến lược và chỉ đạo chiến lược trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Trên thực tế, chủ trương đó đã được Đảng và HCM hiện thực hóa trong thực tiễn. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương, chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng được lực lượng cách mạng ở 3 nước quán triệt, thực hiện khẩn trương: thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất trong từng nước; chủ động xây dựng phát triển lực lượng chính trị quần chúng, lực lượng vũ trang; củng cố, phát triển tổ chức và đoàn thể cách mạng; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng phát triển lực lượng với tổ chức quần chúng tranh đấu giành độc lập dân tộc.

Đầu năm 1945, thực hiện mưu đồ nắm quyền thống trị ở Đông Dương, phát xít Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng ở Đình Bảng (Bắc Ninh), do đồng chí Trường Chinh (Tổng Bí thư) chủ trì. Hội nghị đưa ra quyết định lịch sử: Đánh đuổi phát xít Nhật, phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ chín muồi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều nhiệm vụ khẩn cấp được triển khai nhanh: thành lập căn cứ địa mới, thống nhất các chiến khu, thống nhất lực lượng vũ trang; tổ chức ủy ban dân tộc giải phóng các cấp, chuẩn bị thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng VN (tức Chính phủ cách mạng lâm thời) v.v.. Ngay sau Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (16-8-1945), HCM đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”[4]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta đã nhất tề vùng dậy, kết thành sức mạnh đại đoàn kết xuống đường tranh đấu, đánh sập, xóa bỏ bộ máy thống trị tàn bạo của phát xít Nhật và bè lũ tay sai, giành lại nền độc lập dân tộc. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch HCM thay mặt Chính phủ lâm thời khảng khái đọc Tuyên Ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới về nền độc lập dân tộc và sự ra đời của nước VN Dân chủ Cộng hòa.

Thắng lợi của CMT8/1945 là mốc lịch sử mở đầu cho sự phát triển mới của cách mạng VN. Chủ tịch HCM đã viết: “Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta”[5]. Đã 70 năm trôi qua (1945-2015), song thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong CMT8/1945 vẫn là bản anh hùng ca bất hủ, là thực tiễn sinh động chứng minh tư duy chính trị sắc sảo, nghệ thuật lãnh đạo xuất sắc của một Đảng mácxít chân chính mới 15 tuổi. Đó cũng là một trong những bằng chứng thực tiễn đập tan luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò to lớn của Đảng đối với cách mạng VN của các thế lực thù địch. Những kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo CMT8/1945 tiếp tục được Đảng ta kế thừa, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng ở giai đoạn mới, với việc đề ra nhiều quyết sách chiến lược mới hết sức đúng đắn, đem lại những thành tựu to lớn, bền vững trong suốt mấy thập kỷ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc VN xã hội chủ nghĩa.

VIII/ Vì sao nói sau CMT8/1945, VN rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”?

Thắng lợi của CMT8/1945 là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của dân tộc, chấm dứt ách đô hộ hơn 80 năm của thực dân Pháp, mở ra kỷ nguyên độc lập, dân chủ của dân tộc VN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thế nhưng, ngay khi vừa giành lại độc lập, đất nước phải đối diện với tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” bởi “thù trong, giặc ngoài”. Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp cùng với quân Tưởng Giới Thạch và bọn tay sai đã tiến hành nhiều hoạt động chống phá trắng trợn nhằm thực hiện mưu đồ tiêu diệt lực lượng, Chính phủ cách mạng và Đảng ta để thành lập chính quyền phản động, tay sai. Trong khi đó, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước rơi vào khủng hoảng trầm trọng: sản xuất trì trệ, ngân khố quốc gia trống rỗng, nạn đói năm 1945 làm gần 2 triệu người chết chưa khắc phục xong, hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội còn rất phổ biến, các thế lực phản động ra sức hoạt động chống phá... Vận mệnh dân tộc nguy nan như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trong tình thế hiểm nghèo ấy, Đảng ta và Chính phủ nước VN Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch HCM đứng đầu đã đề ra những quyết sách đúng đắn, sáng tạo như: Tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, Hội đồng nhân dân nhằm củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng nền móng cho chế độ mới; phát động phong trào tăng gia sản xuất, xóa bỏ mọi thứ thuế vô lý, thực hiện giảm tô, chia lại ruộng công, tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho nông dân nghèo; mở lớp Bình dân học vụ, kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ; xây dựng “Quỹ độc lập” và phong trào “Tuần lễ vàng” huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân; phát triển lực lượng vũ trang cách mạng theo nguyên tắc toàn diện cả về chính trị và quân sự, chú trọng cả số lượng và chất lượng... Nhờ đó, chỉ một thời gian ngắn, ta đã căn bản diệt được “giặc đói”, “giặc dốt”, giải quyết khó khăn về tài chính, từng bước tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, tạo tiền đề quan trọng để diệt “giặc ngoại xâm”.

Để tranh thủ được thời gian hòa bình nhằm củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang và khắc phục những khó khăn về kinh tế, xã hội, đời sống của nhân dân và đẩy quân Tưởng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, ta đã phải ký với thực dân Pháp các hiệp định, nhượng bộ cho Pháp một số quyền ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây chỉ là biện pháp đấu tranh mềm dẻo tạm thời nhằm củng cố và chuẩn bị tập trung nguồn lực để kháng chiến chống Pháp lâu dài.

Nhờ vậy, VN có thể tạm thời tránh được cả thù trong lẫn giặc ngoài.

Có thể nói, tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” sau CMT8/1945 vô cùng khó khăn và đầy thách thức với một Chính phủ mới, còn non trẻ của chúng ta. Thế nhưng, bằng đường lối lãnh đạo khéo léo, đúng đắn cùng sự đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta đã vượt qua được tất cả và tiếp tục giữ vững nền độc lập, tự do dân tộc.

IX/ Năm 1986, ĐCSVN đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện. Hãy lý giải vì sao ĐCSVN tiến hành công cuộc đổi mới là một điều tất yếu.

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ 1986 đến nay đã trải qua gần 30 năm. Đó là một công trình vĩ đại của Đảng và nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội VI (1986) của Đảng đánh dấu một bước ngoặt rất cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, với việc đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước - từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức, cán bộ, phương thức lãnh đạo và phong cách của Đảng; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

1. Trước hết, cần khẳng định bản chất và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới.

Đổi mới là một cuộc vận động mang tính cách mạng không ngừng để thay cái cũ bằng cái mới tốt hơn. Không phải bây giờ mà trong quá trình cách mạng, chúng ta luôn thực hiện sự đổi mới. Công cuộc đổi mới lần này mang tính toàn diện, tổng thể, sâu sắc, liên tục và được chuẩn bị có bài bản. Đổi mới là công việc của chúng ta, theo cách thức và bước đi của ta. Đổi mới là công cuộc sáng tạo mang tính tất yếu. Công cuộc đó phải được triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ, nhưng phải cân nhắc từng đường đi nước bước cụ thể, chắc chắn.

Đổi mới vừa là sự thay thế cái cũ, vừa là sự chọn lựa cái cũ, cái hiện đang còn tác dụng để cải biến cho nó trở nên thích dụng hơn. Đổi mới có thể coi là một sự phủ định biện chứng: Không bao giờ phủ định sạch trơn và không bao giờ quay lại cái cũ. Đổi mới đồng bộ, hài hòa giữa kinh tế và chính trị với mục tiêu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đổi mới để phát triển, đồng nghĩa với phát triển, nhưng là sự phát triển trong thế ổn định, sự phát triển theo đúng định hướng và con đường mà chúng ta đã chọn. Đổi mới là thực hiện bước chuyển từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, nhưng trong khi thực hiện cơ chế thị trường, Nhà nước phải quản lý và điều hành theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng thối nát thị trường; đổi mới để phát triển kinh tế, nhưng sự phát triển đó phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo. Đổi mới có yêu cầu và gắn với mở cửa, hội nhập. Đổi mới có yêu cầu và gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Toàn bộ công cuộc hội nhập, mở cửa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là để thực hiện chiến lược phát triển nhanh và bền vững; là để xây dựng và tăng cường lực lượng sản xuất, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; là để nâng tầm đất nước lên trình độ mới, tầm cao mới. Vậy nên đổi mới chính là để hướng tới chủ nghĩa xã hội, để hiện thực quá độ lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác lập rõ ràng hơn.

Đổi mới và cải cách có cùng nội dung hướng tới cái mới, cái tốt đẹp hơn. Nhưng cải cách thường được hiểu là những hành động nhất định, những cuộc vận động nhất định nhằm những mục tiêu nhất định. Khi những hành động cải cách ấy, những cuộc vận động, cải cách ấy đã đạt tới mục tiêu đề ra thì phải có hành động cải cách mới, cuộc vận động, cải cách mới. Còn đổi mới, theo cách hiểu của chúng ta, tuy cũng nhằm những mục tiêu nhất định trong những thời kỳ nhất định, song do bản chất và tính tất yếu của nó, lại là một quá trình lâu dài. Đổi mới như một dòng chảy liên tục, vận động liên tục của cả guồng máy xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, phát động và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Thông qua các Đại hội VII, VIII, IX, X, XI, XII và XIII, Đảng đều khẳng định tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới để đưa đất nước đi lên.

2. Nhờ công cuộc đổi mới, VN đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử.

Qua 35 năm đổi mới, "nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Đây là niềm tự hào, là động lực, là nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước".

Đổi mới tư duy đã khắc phục được những nhận thức lệch lạc, nhất là bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, từng bước hình thành những quan niệm mới về mục tiêu, bước đi và cách thức phát triển đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Công cuộc đổi mới đã giải phóng sức sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất mới, đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng của một nước có thu nhập thấp; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, ổn định chính trị - xã hội được bảo đảm, định hướng XHCN được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, ANQP được củng cố vững chắc, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh thêm.

Đổi mới đã giúp chúng ta vừa kế thừa và phát huy những thành quả tốt đẹp đã đạt được trước đây vừa có cách nghĩ khác trước, nghe khác trước, nhìn khác trước, làm khác trước, phù hợp với tình hình đang phát triển. Đổi mới đã đem đến một sức vóc mới cho đất nước, tiếp sức đôi chân chúng ta đi thêm những bước dài trên con đường hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, trong tiến trình đi lên, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chúng ta không quên rằng đất nước mình vẫn còn nghèo, sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và lâu bền, còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, mà những nhân tố đó còn có phần tăng thêm. Rõ ràng là phía trước của chúng ta không chỉ có thuận lợi và thời cơ mà còn có những khó khăn và nguy cơ không thể xem thường. Càng như vậy, càng phải tiếp tục đổi mới, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức để đất nước tiếp tục phát triển bền vững.

3. Động lực và nguồn của đổi mới.

Nếu quan niệm động lực, nguồn là những yếu tố tạo nên sức mạnh thúc đẩy sự phát triển, thì động lực của đổi mới bao gồm nhiều yếu tố tiềm ẩn và hiển hiện có thể nhận biết được.

Một là, yếu tố khơi nguồn động lực của đổi mới chính là việc định hướng đúng, phát động đúng thời điểm.

Xác định đổi mới phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng đúng dẫn cho sự nghiệp đổi mới vừa hợp thời, hợp quy luật, hợp lòng dân, vừa có sự chắc chắn, vững tin. Chuẩn bị kỹ và phát động đổi mới đúng lúc, đồng thời với mở cửa hội nhập nên chúng ta có thể chủ động và sáng tạo trong mọi tình huống, đã đứng vững và phát triển trong khi cải tổ, cải cách ở Liên Xô và Đông Âu bị thất bại.

Hai là, những thành quả của đổi mới lại tiếp thêm luồng sinh khí mới, tăng thêm động lực cho nó, tạo cho đất nước ta thế mới, lực mới, gia tốc mới.

Thế mới và lực mới là tổng hợp những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, là kết quả của việc phát triển mọi mặt với sự thông thoáng trong nước và mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài. Gia tốc mới là khả năng vượt trội, là độ tăng trưởng liên tục ở mức khá cao tạo đà cho giai đoạn kế tiếp. Thế mới, lực mới, gia tốc mới tạo ra tầm vóc và khả năng mới của đất nước. Đó không chỉ là khả năng đất nước vươn tầm mà còn là năng lực mới mạnh mẽ để tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp đổi mới phát triển. Đổi mới được nạp thêm năng lượng mới.

Ba là, yếu tố quyết định là động lực và những nguồn lực trong nước.

Động lực quan trọng phục vụ và thúc đẩy công cuộc đổi mới là tổng hợp các nguồn lực trong nước, bao gồm không chỉ có vốn, tài sản đã tích lũy được mà còn là tài nguyên chưa đưa vào sử dụng, là lợi thế về địa kinh tế, địa chính trị và quan trọng hơn hết là nguồn lực con người, bao gồm cả sức lao động trí tuệ và tinh thần gắn với truyền thống văn hóa của dân tộc ta. Trong các nguồn lực đó, nguồn lực về tài nguyên là khá phong phú; nguồn lực về đất đai, vị trí địa lý là khá thuận lợi; nguồn lực về truyền thống là sâu sắc, đặc thù; nguồn lực về con người và trí tuệ vô cùng to lớn.

Bốn là, những nguồn lực từ bên ngoài.

Đây là một yếu tố quan trọng, nếu biết cách tranh thủ cũng sẽ tạo nên động lực cho công cuộc đổi mới đất nước.

Nguồn lực bên ngoài bao gồm: vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hóa nhân loại. Trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước, chúng ta có đầy đủ điều kiện để có thể thu hút nguồn lực bên ngoài. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách ưu đãi thích hợp, chúng ta nhất định khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ; đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nước ta trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Năm là, sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân.

Đây là động lực mang tính quyết định đối với sự nghiệp đổi mới. Động lực đó bắt nguồn từ năng lực sáng tạo, bản lĩnh trí tuệ của Đảng ta và của nhân dân ta, thể hiện ở trình độ đoán định, nắm bắt những yếu tố và những vấn đề của thời cuộc, dự kiến đúng tình huống, xác định đường đi nước bước rõ ràng, sẵn sàng tạo lập và nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước đi lên. Do đổi mới là sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân nên khi Đảng ta phát động nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tạo thành động lực to lớn thực hiện có hiệu quả sự nghiệp đổi mới đất nước. Rõ ràng là công cuộc đổi mới của chúng ta không chỉ đạt được những thành tựu to lớn qua 35 năm thực hiện, mà còn tiếp tục được đẩy mạnh với những nguồn lực phong phú và hết sức to lớn, trong đó có những nguồn lực không bao giờ cạn. Hành trình đổi mới với sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân đã và đang kết hợp nhuần nhuyễn ba yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Đó là động lực lớn nhất, là yếu tố cơ bản nhất tạo nên khả năng thành công của sự nghiệp cao cả trọng đại: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.